

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: 48/2020/DS-ST

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 09/12/2020

V/v : Không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm :*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa : Ông Hoàng Liên Sơn

Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Vương Thúy Thìn

2/ Ông Đoàn Xuân Miến

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Thủy– Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên Tòa:*
Bà Hoàng Thị Hoài Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình, thụ lý số 697/TLHNGĐ ngày 02/11/2020, về việc: Không công nhận vợ chồng; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/QĐXX-ST ngày 20/11/2020; Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông **Nguyễn Xuân T-** Sinh năm 1963 (Có mặt)
Hộ khẩu thường trú tại: Ngõ 110 M, phường M, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Trú tại: Số 36 ngõ Chùa H, phường M, Hai Bà Trưng, Hà Nội

2. *Bị đơn:* bà **Dương Thị Bích H-** Sinh năm 1965;(Vắng mặt)
Trú tại: Số 561 L, phường L, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 14/6/2018, cùng các lời trình bày khác tại Tòa án; nguyên đơn trình bày:

Ông và bà Dương Thị Bích H chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 22/12/1987, có tổ chức cưới hỏi nhưng không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân là do thời điểm đó cả hai không hiểu biết pháp luật. Trước đó ông và bà H chưa kết hôn lần nào, đến thời điểm hiện nay hai bên cũng chưa đăng ký kết hôn với ai.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số 110 phố M, phường M. Sau đó chuyển về sinh sống tại 36 ngõ Chùa H, phường M, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà H hay ghen tuông vô cớ, thường đi theo dõi ông, chửi bới, xúc phạm ông. Tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Do cuộc sống chung giữa ông và bà H không thể tiếp tục được, nên năm 2018, ông đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai giải quyết không công nhận vợ chồng. Ông gửi đơn đến Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai vì bà H có hộ khẩu tại Hoàng Mai, thực tế khi ông gửi đơn bà H và ông vẫn sinh sống tại quận Hai Bà Trưng.

Ông cũng đã được biết Tòa án Hoàng Mai chuyển vụ án tranh chấp ly hôn giữa ông với bà H đến Tòa án quận Hai Bà Trưng để giải quyết theo thẩm quyền. Tuy nhiên từ tháng 5/2020 cho đến nay, bà H đã quay về địa chỉ tại Hoàng Mai để sinh sống.

Nay ông xác định việc chung sống giữa ông và bà H không thể tiếp tục, đề nghị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa ông và bà H.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông và bà H có 02 con chung là Nguyễn Duy T- Sinh 1989 và Nguyễn Trung K- Sinh 1991. Cả hai con đều đã trưởng thành và có việc làm, thu nhập ổn định.

Về tài sản chung: trong quá trình ông và bà H chung sống với nhau không tạo lập được tài sản chung gì.

Tại Bản tự khai ngày 22/8/2018 và các lời khai khác tại Tòa án, bà Dương Thị Bích H trình bày: Bà và ông Nguyễn Xuân T chung sống như vợ chồng từ 22/12/1987, nhưng không đi đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì bà phát hiện ông T có quan hệ ngoại tình. Từ đó tình trạng vợ chồng ngày càng căng thẳng. Bà vẫn còn tình cảm với ông T nên bà không đồng ý với yêu cầu của ông T.

Về con chung: ông, bà có 02 con chung là Nguyễn Duy T- Sinh 1989 và Nguyễn Trung K- Sinh 1991. Cả hai con đều đã trưởng thành và có việc làm, thu nhập ổn định. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay bà đã không sống cùng ông T nữa, từ năm 2020, bà đã về sinh sống tại quận Hoàng Mai.

Về tài sản chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: ông Nguyễn Xuân T giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên bố ông và bà Dương Thị Bích H không phải là vợ chồng.

Về con chung: cả 02 con chung đều đã trưởng thành. Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bà Dương Thị Bích H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; đưa ra quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật:

- Việc thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình “ Không công nhận vợ chồng” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự tố tụng trong quá trình thụ lý vụ án, điều tra xác minh, giao thông báo của Tòa án cho các đương sự. Tài liệu điều tra đã đầy đủ.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết, các đương sự chấp hành theo thông báo của Tòa án.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Xuân T với bà Dương Thị Bích H.

Về con chung: không xem xét.

Về tài sản chung: không xem xét.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Việc ông Nguyễn Xuân T yêu cầu Tòa án giải quyết việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa ông với bà Dương Thị Bích H, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Dương Thị Bích H vắng mặt, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa ông Nguyễn Xuân T với bà Dương Thị Bích H: Lời khai của ông T, bà H đều thống nhất việc hai bên chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đi đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Hai bên đều thống nhất ngày bắt đầu sống chung là 22/12/1987. Đến nay ông T, bà H không đi đăng ký kết hôn. Áp dụng điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội khóa X về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Xuân T với bà Dương Thị Bích H.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, ông T, bà H có 02 con chung là Nguyễn Duy T- Sinh 1989 và Nguyễn Trung K- Sinh 1991. Cả hai con đều đã trưởng thành và có việc làm, thu nhập ổn định. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung trong thời gian chung sống: ông T, bà H không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

[3] *Về án phí*: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; khoản 1.1 Mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án: ông Nguyễn Xuân T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội khóa X về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; khoản 1.1 Mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án

Xử:

[1] Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Xuân T và bà Dương Thị Bích H.

[2] Về con chung: Xác nhận ông T, bà H có 02 con chung là Nguyễn Duy T- Sinh 1989 và Nguyễn Trung K- Sinh 1991. Cả hai con đều đã trưởng thành và có việc làm, thu nhập ổn định. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung trong thời gian chung sống: ông Nguyễn Xuân T, bà Dương Thị Bích H không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

[4] Về án phí: ông Nguyễn Xuân T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận ông T đã nộp 300.000đ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 04186 ngày 17/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai.

Ông Nguyễn Xuân T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Dương Thị Bích H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định bản án.

T/M Hội đồng xét xử
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND Q. Hai Bà Trưng
- Lưu hồ sơ.

Hoàng Liên Sơn